

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2749 /QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai số liệu giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên
địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán Độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân cấp giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu Phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương đặc khu Phú Quốc năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố, công khai số liệu giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 (Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân đặc khu; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Đảng ủy đặc khu;
- HĐND đặc khu;
- CT và PCT. UBND đặc khu;
- Các phòng, ban thuộc UBND đặc khu;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – An Giang;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 – An Giang;
- Cổng thông tin điện tử đặc khu;
- Cơ quan các đoàn thể đặc khu;
- LĐVP + đ/c Thật;
- Lưu: VT, PTCKH, lnxuan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Minh Trí

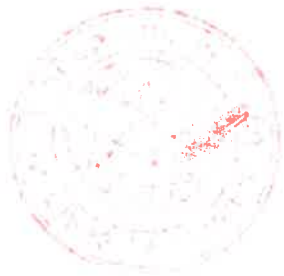


PHỤ LỤC I
BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 274/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân
đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	5.725.010.700.000	Tổng số chi	5.725.010.700.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	243.200.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	4.841.500.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	793.940.700.000	II. Chi thường xuyên	863.174.700.000
III. Thu bổ sung	4.667.270.000.000	III. Dự phòng	20.336.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách			
- Bổ sung có mục tiêu	4.667.270.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn	20.600.000.000		



PHỤ LỤC II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 2749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2026			DỰ TOÁN ĐIỀU TIẾT NĂM 2026 NGÂN SÁCH ĐẶC KHU ĐIỀU TIẾT ĐƯỢC HƯỞNG
		Tổng cộng	Thuế tỉnh An Giang thu	Phân cấp đặc khu Phú Quốc quản lý	
A	B	I	2	3	4
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+D)	17.796.301	15.697.000	2.099.301	1.037.140
I	CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT	10.513.000	10.173.000	340.000	178.500
1	Tiền sử dụng đất		8.200.000	300.000	178.500
2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		1.973.000	40.000	
II	CÁC KHOẢN THU CÒN LẠI			1.759.301	858.640
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý			33.200	0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			300	
	Thuế Tài nguyên				
	Thuế giá trị gia tăng			32.800	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt			100	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý			11.500	0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			5.200	
	Thuế Tài nguyên				
	Thuế giá trị gia tăng			6.300	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			31.500	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			11.300	
	Thuế Tài nguyên				
	Thuế giá trị gia tăng			20.200	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			890.701	615.440
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			158.801	111.161
	Thuế Tài nguyên			2.000	
	Thuế giá trị gia tăng			720.400	504.279
	Thuế tiêu thụ đặc biệt			9.500	
5	Lệ phí trước bạ			166.300	166.300
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100	100
7	Thuế thu nhập cá nhân			425.000	

		DỰ TOÁN THU NĂM 2026			DỰ TOÁN ĐIỀU TIẾT NĂM 2026
8	Thuế bảo vệ môi trường			98.900	
9	Phí, lệ phí			9.800	2.300
	Trong đó: Phí, lệ phí Trung ương			7.500	
10	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ...				
11	Thu khác ngân sách			92.000	74.500
	Trong đó: Thu khác Trung ương			17.500	
12	Thu tiền sử dụng khu vực biển			300	
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
14	Thu đóng góp				



PHỤ LỤC III
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026 CỦA ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN 2026
1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	5.725.010.700.000
A	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II+III)	1.057.740.700.000
I	Chi đầu tư phát triển	178.500.000.000
II	Chi thường xuyên	858.904.700.000
	Bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên làm nguồn CCTL	18.822.000.000
*	Tổng chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động, trong đó:	463.089.109.081
	- Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương	348.700.455.468
	+ Chi cho mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng	225.737.469.550
	+ Chi tăng lương cơ sở 0,85 triệu đồng	122.962.985.919
	Chi từ nguồn cải cách tiền lương dự kiến chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang năm 2026 của ngân sách đặc khu để bố trí các trường hợp tăng lương, luân chuyển công tác giữa các đơn vị và từ các cơ quan cấp tỉnh chuyển về (chi theo mức lương cơ sở 850.000 đồng và tiền thưởng theo Nghị định 73/2024, chênh lệch hệ số phụ cấp chức vụ theo quy định mới về phụ cấp chức vụ cấp xã và các trường hợp phát sinh chi chế độ chính sách theo quy định chi từ nguồn cải cách tiền lương	20.600.000.000
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	25.645.637.916
	- Chi hoạt động thường xuyên	68.143.015.697
1	Chi Sự nghiệp Kinh tế	101.430.000.000
2	Chi Sự nghiệp Môi trường	160.000.000.000
3	Chi Khoa học Công nghệ	-
4	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo	414.375.884.520
5	Chi sự nghiệp y tế	-
6	Chi quản lý hành chính	112.847.303.132
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	9.489.218.487
8	Phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	1.000.000.000
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	702.000.000
10	Chi đảm bảo xã hội	22.851.496.832
11	Chi hoạt động quốc phòng	15.253.232.612
12	Chi hoạt động an ninh trật tự, an toàn xã hội	8.547.840.000

13	Chi khác	12.407.724.417
III	Dự phòng	20.336.000.000
B	CHI TỪ NGUỒN BSMT (I+II+III)	4.667.270.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	4.663.000.000.000
1	Vốn sở hữu kiến thiết	4.500.000.000
2	Vốn cân đối ngân sách địa phương	10.500.000.000
3	Vốn ngân sách tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.648.000.000.000
II	Chi thường xuyên	4.270.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-
2	Kinh phí thực hiện các chính sách ASXH	4.270.000.000
a	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	-
b	Sự nghiệp Đảm bảo xã hội	4.270.000.000
	+ Bảo trợ xã hội Nghị định 20 và Nghị định 76	4.270.000.000
3	Chi hoạt động kinh tế	-

PHỤ LỤC IV
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026 CỦA ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
THEO LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số: 2749 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

		Đơn vị tính: đồng
STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN 2026
1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	5.725.010.700.000
A	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II+III)	5.725.010.700.000
I	Chi đầu tư phát triển	4.841.500.000.000
	Vốn sở xố kiến thiết	4.500.000.000
	Vốn cân đối ngân sách địa phương	10.500.000.000
	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn thu từ đất	4.648.000.000.000
	Nguồn tiền sử dụng đất từ nguồn thu điều tiết theo dự toán	178.500.000.000
II	Chi thường xuyên	863.174.700.000
	Trong đó chi cải cách tiền lương	169.208.623.835
1	Chi Sự nghiệp Kinh tế	101.430.000.000
2	Chi Sự nghiệp Môi trường	160.000.000.000
3	Chi Khoa học Công nghệ	
4	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo	414.375.884.520
5	Chi sự nghiệp y tế	
6	Chi quản lý hành chính	112.847.303.132
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	9.489.218.487
8	Chi sự nghiệp phát thanh	1.000.000.000
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	702.000.000
10	Chi đảm bảo xã hội	27.121.496.832
11	Chi hoạt động quốc phòng	15.253.232.612
12	Chi hoạt động an ninh trật tự, an toàn xã hội	8.547.840.000
13	Chi khác	12.407.724.417
III	Dự phòng	20.336.000.000

